

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 26/10/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Võ Hồng Hạnh
 2. Bà Lữ Kim Hằng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện C, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm: 1977
Địa chỉ: Khu Suối Bơ, ấp 1, xã Xuân Q, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1980
Địa chỉ: Số 118, khóm Trung Đạo, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
(anh Đ có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 13/7/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Khắc Đ trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau từ giữa năm 1993 đến tháng 12 năm 1997 anh và chị Phạm Thị Thu T tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám theo nghi thức truyền thống, nhưng đến ngày 30/11/2000 anh chị mới tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đ, đây là hôn nhân lần đầu tiên của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó

khăn, anh tự bất mãn với bản thân, vợ chồng không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, chị Th không phụ anh trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Ngoài ra chị Th còn cho rằng anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nhưng thực tế anh không ngoại tình với ai chỉ là quan hệ bạn bè ngoài xã hội, vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, từ tháng 6/2018 thì anh và chị Thủy đã sống ly thân nhau cho đến nay. Anh Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Th nữa, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Th, mục đích anh xin ly hôn với chị Th là do anh không còn tình cảm vợ chồng với chị Th, hôn nhân giữa anh và chị Th không thể kéo dài và không hàn gắn được chứ không phải mục đích anh ly hôn với chị Th là do có quan hệ ngoại tình như chị Th trình bày.

Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hồ Lê Phạm Gia H, sinh ngày 11 tháng 2 năm 1998 hiện cháu H đã trưởng thành có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, cháu Nguyễn Hồ Anh Q sinh ngày 26/10/2008 và cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 06/7/2017 hiện nay cháu Q và cháu M đang ở cùng với chị Th.

Sau khi ly hôn anh xin giao cháu Q và cháu M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, phần cấp dưỡng nuôi con sẽ do anh và chị Th tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án ghi nhận.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên không yêu cầu.

* Theo bản tự khai, biên bản đối chất bị đơn là chị Phạm Thị Thu Th trình bày: chị thống nhất với lời trình bày của anh Đ về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị Th cho rằng giữa chị và anh Đ vẫn chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến tháng 6/2018 thì vợ chồng sống ly thân nhau là do anh Đ nhất quyết đòi ly hôn, vì anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về nhà chị cũng ghen tuông nên vợ chồng cũng thường xảy ra cãi vã. Trước đây vợ chồng vẫn thương yêu quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị vẫn phụ anh Đ trong việc làm ăn kinh tế gia đình. Ngoài ra thì từ trước đến nay vợ chồng không có xảy ra xích mích gì lớn, mặc dù trong cuộc sống anh Đ cũng thường nhậu nhẹt, cờ bạc nên vợ chồng đôi khi cũng có xảy ra cãi vã. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân mặc dù chị Th vẫn còn tình cảm với anh Đ, nhưng vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn. Nay anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị thì chị không đồng ý ly hôn với anh Đ vì vẫn còn thương yêu anh Đ, không muốn gia đình tan vỡ, mặc dù chị xác định anh Đ không còn tình cảm với chị.

Nếu Toà án chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị thì chị không có ý kiến gì, còn đối với con chung thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồ Anh Q sinh ngày 26/10/2008 và cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 06/7/2017, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận

không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cả anh Đ và chị Th đều xác định nghề nghiệp chính hiện tại của anh chị làm rẫy, thu nhập chung của vợ chồng trung bình một năm từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn anh Đ cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của cháu H, Q, M (bản sao).

Tài liệu, chứng cứ mà bị đơn chị Thủy cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân (bản sao).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Riêng bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không chấp hành nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ không có kiến nghị gì.

Về nội dung: chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị Th, giao cháu Q và cháu M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ; tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: anh Nguyễn Khắc Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Phạm Thị Thu Th và yêu cầu giải quyết về con chung nên đây là vụ kiện “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Th nên anh Đ là nguyên đơn, chị Th là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: chị Phạm Thị Thu Th hiện cư trú tại số 118, khóm Trung Đạo, ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Phạm Thị Thu Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000 anh Nguyễn Khắc Đ và chị Phạm Thị Thu Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 39, quyển số: 01/2000, ngày 30/11/2000 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ thì thấy:

Anh Đ cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không có sự chia sẻ đồng cảm với nhau, chị Th không phụ anh trong việc làm ăn kinh tế gia đình, không tin tưởng vào anh mà cho rằng anh ngoại tình dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu trở nên trầm trọng từ năm 2017 cho đến tháng 6/2018 thì anh chị đã sống ly thân nhau cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Th không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Th.

Tuy chị Th không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn như anh Đ trình bày nhưng chị cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra cãi vã xuất phát từ việc anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nhưng chị không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Đ ngoại tình, đồng thời lời khai của chị Th không được anh Đ thừa nhận tại phiên tòa ngày hôm nay. Ngoài ra, chị Th cũng thừa nhận anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng anh Đ dành cho chị không còn và trong thời gian vợ chồng sống ly thân mặc dù chị vẫn còn tình cảm với anh Đ, nhưng vợ chồng cũng không gặp nhau để hóa giải mối quan hệ hàn gắn về chung sống với nhau. Mặt khác, hai người không có sự chia sẻ và có sự vi phạm nghĩa vụ chung sống giữa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, anh Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với chị Th. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị Th.

[6] Về con chung: anh Đ và chị Th đều thống nhất giao cháu Q và cháu M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu Q có nguyện vọng được sống với chị Th. Xét thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và quy định tại Điều 81 luật HNGĐ nên chấp nhận cho chị Th được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồ Anh Q và cháu Nguyễn Tiến M.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

[8] Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

* Đề nghị của đại diện VKS huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: anh Nguyễn Khắc Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84, 131 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Khắc Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho anh Nguyễn Khắc Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Thu Th.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Hồ Anh Q sinh ngày 26/10/2008 và cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 06/7/2017 cho chị Phạm Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Khắc Đ.

Khi cần thiết chị Th và anh Đ được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: anh Nguyễn Khắc Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp thành tiền án phí biên lai số 004382 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện C ;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã X;
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Lê Thị Khuyên